

Bản án số: 24/2024/LĐ-ST
Ngày 09 - 5 - 2024
V/v “Vô hiệu HĐLĐ & Điều chỉnh tên
trên sổ BHXH”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Chí Lin
- Bà Nguyễn Thị Rạt

Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Tư - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 20/2024/TLST-LĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST - LĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Ngọc P, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị Ngọc P là ông Nguyễn Nhật T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 23/02/2024) (vắng mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH K. Địa chỉ trụ sở: ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Người đại diện theo pháp luật: Ông/ bà Lim Ju H, chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trương Thị Thu D, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp E, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt).

3.2. Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An. Trụ sở: số 08 T tránh, phường D, Thành phố T, tỉnh Long An. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần S, giám

độc. Người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Thành L, Phó Giám đốc BHXH (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 02 năm 2024, nguyên đơn bà Trương Thị Ngọc P trình bày:

Từ tháng 02/2008 đến tháng 02/2009, bà vào làm công nhân tại Công ty tại công ty TNHH P1 tại D quốc lộ A, T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi làm việc tại công ty TNHH P1, bà có tham gia bảo hiểm với số sổ bảo hiểm: 7908494700;

Từ tháng 12/2009 đến tháng 4/2010, bà có làm công nhân tại Công ty TNHH L1 có địa chỉ: Ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, khi làm việc tại đây bà có tham gia bảo hiểm xã hội số sổ 8009038911;

Từ tháng 07/2010 đến tháng 3/2012, bà có vào làm công nhân tại Công ty TNHH Q có địa chỉ: Ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Khi làm việc tại Công ty TNHH Q, bà có tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ: 8010029913;

Từ tháng 07/2012, bà vào làm công nhân tại Công ty TNHH A địa chỉ: Lô B, đường số C, Khu công nghiệp T, xã Đ, huyện Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Tiếp theo từ 08/2016 đến tháng 05/2023 bà làm công nhân tại Công ty TNHH S1 tại địa chỉ đường số I Khu công nghiệp H thuộc Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Khi làm việc tại Công ty TNHH A và Công ty TNHH S1 bà có tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ: 8012020374.

Do bản thân không am hiểu về pháp luật và muốn giúp đỡ bà Trương Thị Thu D bị mất giấy tờ tùy thân để đi làm có thu nhập nên bà có bà D mượn căn cước công dân mang tên của bà là Trương Thị Ngọc P để giao kết hợp đồng lao động tại Công ty TNHH K nên bà D dùng tên bà tham gia bảo hiểm xã hội có số sổ là 8008032774.

Việc bà cho bà Trương Thị Thu D mượn căn cước công dân là không đúng quy định pháp luật và người thực hiện hợp đồng lao động với Công ty TNHH K không phải do bản thân bà thực hiện. Hiện nay tồn tại 05 số sổ bảo hiểm là 7908494700, 8009038911, 8010029913, 8012020374, 8008032774 cùng mang tên Trương Thị Ngọc P nên bà không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm được.

Do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Vô hiệu hợp đồng lao động được kí kết giữa bà Trương Thị Ngọc P (do bà Trương Thị Thu D làm việc) với Công ty TNHH K từ tháng 8/2008 đến 02/2014

2/ Điều chỉnh tên Trương Thị Ngọc P trên sổ BHXH số 8008032774 trong khoảng thời gian từ tháng 08/2008 đến tháng 02/2014 tại Công ty TNHH K thành tên Trương Thị Thu D.

Bị đơn Công ty TNHH K có văn bản trình bày: công ty thống nhất vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Trương Thị Ngọc P với Công ty TNHH K từ ngày 01/8/2008 đến ngày 25/02/2014. Đồng thời Công ty TNHH K xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Thu D có văn bản trình bày: Do bà không có giấy tờ tùy thân nên có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Trương Thị Ngọc P để vào làm việc tại Công ty TNHH K trong khoảng thời gian từ ngày 01/8/2008 đến ngày 25/02/2014. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà P đối với việc giải quyết vô hiệu hợp đồng lao động, bà đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Bà có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày: Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty TNHH K có tham gia bảo hiểm cho bà Trương Thị Ngọc P trong tháng 8/2008 đến tháng 02/2014 với số sổ bảo hiểm 80080332774 tại Công ty TNHH K, bà P chưa hưởng trợ cấp BHXH một lần và chưa hưởng trợ cấp BHTN theo sổ BHXH 8008032774.

Đối với trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để đi làm, việc điều chỉnh nhân thân người lao động trên sổ BHXH đối với khoản thời gian mượn hồ sơ tư pháp để đi làm sẽ được BHXH tỉnh L thực hiện hiệu chỉnh trên cơ sở quyết định của bản án đã có hiệu lực pháp luật mà Tòa án đã tuyên và thành phần hồ sơ theo quy định được người lao động cung cấp;

BHXH tỉnh L không cung cấp được hợp đồng lao động theo đề nghị của Tòa án và xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Quan điểm kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Ngọc P về việc Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Trương Thị Ngọc P (do Trương Thị Thu D thực hiện) với Công ty TNHH K trong khoảng thời gian từ tháng 8/2008 đến 02/2014; Điều chỉnh sổ bảo hiểm số 8008032774 thành tên bà Trương Thị Thu D. Bởi vì thực tế bà Trương Thị Ngọc

P không phải là người lao động mà bà Trương Thị Thu D mới là người lao động tại Công ty TNHH K trong khoảng thời gian từ tháng 8/2008 đến 02/2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ngọc P nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và Điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự. Công ty TNHH K có trụ sở tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Trương Thị Ngọc P người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty TNHH K là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn. Bà Trương Thị Thu D và BHXH tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Trương Thị Ngọc P khởi kiện Công ty TNHH K hủy hợp đồng lao động trong khoảng thời gian từ tháng 8/2008 đến 02/2014 vì bà P cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng giả tạo là còn trong thời hiệu khởi kiện; bà Trương Thị Ngọc P có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Chứng cứ bà Trương Thị Ngọc P có nộp đơn khởi kiện, căn cước công dân và giấy ủy quyền.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật lao động 2019 và Bộ luật tố tụng 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ, hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án xét xử trong phạm vi đương sự có yêu cầu. Các đương sự thừa nhận đã tiếp cận đầy đủ chứng cứ của nhau.

[2]. Về nội dung:

Xét thấy bà Trương Thị Ngọc P cho bà Trương Thị Thu D mượn chứng minh thư mang tên Trương Thị Ngọc P để xác lập hợp đồng lao động và tham gia đóng bảo hiểm xã hội trong tháng 8/2008 đến tháng 02/2014 tại Công ty

TNHH K theo sổ BHXH số 8008032774. Trong khi đó bà Trương Thị Ngọc P cũng tham gia lao động tại nhiều công ty khác nhau và có 05 sổ Bảo hiểm xã hội 7908494700, 8009038911, 8010029913, 8012020374, 8008032774. Nay bà Trương Thị Ngọc P không được hưởng tiền bảo hiểm của chính mình là sổ BHXH số 7908494700, 8009038911, 8010029913, 8012020374 nên có yêu cầu Tòa án vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Trương Thị Ngọc P (do bà Trương Thị Thu D thực hiện) tại Công ty TNHH K trong khoảng thời gian từ tháng 8/2008 đến 02/2014 là có căn cứ. Bởi vì đối tượng lao động thực sự lao động tại Công ty TNHH K trong khoảng thời gian từ tháng 8/2008 đến 02/2014 là bà Trương Thị Thu D không phải là bà Trương Thị Ngọc P;

Việc bà P cho bà D mượn giấy căn cước công dân để đi làm tại Công ty TNHH K trong khoảng thời gian từ tháng 8/2008 đến 02/2014 là vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH, BHTN theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 do đó việc cần điều chỉnh tên Hủy sổ BHXH số 8008032774 mang tên bà Trương Thị Thu D là có căn cứ.

Bà D và Công ty TNHH K không có tranh chấp gì trong vụ án này nên không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương Thị Ngọc P tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm thay cho Công ty TNHH K nên Công ty TNHH K phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68 Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 13, Điều 18, Điều 21 và Điều 49 Bộ luật lao động; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ngọc P về việc: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” với Công ty TNHH K.

1.1. Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Trương Thị Ngọc P (do bà Trương Thị Thu D thực hiện) với Công ty TNHH K từ tháng 8/2008 đến 02/2014;

1.2. Điều chỉnh tên Trương Thị Ngọc P trên sổ BHXH số 8008032774 trong khoảng thời gian từ tháng 08/2008 đến tháng 02/2014 tại Công ty TNHH K thành tên Trương Thị Thu D.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Trương Thị Ngọc P tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà P có nộp theo biên lai số 0006300 ngày 23/02/2024 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa.

3. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để xin xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mộng Thúy

